

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG HẢI 1

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ MÔN HỌC

CUỐI NĂM HỌC, NĂM HỌC: 2023 - 2024

STT	Lớp	Số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Tự nhiên và xã hội		Khoa học		Lịch sử và Địa lý		Ngoại ngữ		TH-CN (Công nghệ)		Giáo dục thể chất		Nghệ thuật (Âm nhạc)		Nghệ thuật (Mĩ thuật)		Hoạt động trải nghiệm		TH-CN (Tin học)		Đạo đức		
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
1	1A1	43	T	40	93.02	41	95.35	39	90.7					41	95.35			40	93.02	40	93.02	40	93.02	40	93			41	95.35	
2			H	3	6.98	2	4.65	4	9.3					2	4.65			3	6.98	3	6.98	3	6.98	3	6.98			2	4.65	
3			C																											
4	1A2	35	T	29	82.86	28	80	29	82.9					31	88.57			31	88.57	28	80	28	80	29	82.9			31	88.57	
5			H	6	17.14	7	20	6	17.1					4	11.43			4	11.43	7	20	7	20	6	17.1			4	11.43	
6			C																											
7	1A3	40	T	38	95	38	95	38	95					34	85			39	97.5	38	95	38	95	39	97.5			39	97.5	
8			H	2	5	2	5	2	5					6	15			1	2.5	2	5	2	5	1	2.5			1	2.5	
9			C																											
10	1A4	40	T	39	97.5	39	97.5	38	95					37	92.5			38	95	38	95	38	95	39	97.5			40	100	
11			H	1	2.5	1	2.5	2	5					3	7.5			2	5	2	5	2	5	1	2.5					
12			C																											
13	1A5	36	T	30	83.33	32	88.89	31	86.1					30	83.33			31	86.11	31	86.11	30	83.33	31	86.1			33	91.67	
14			H	6	16.67	4	11.11	5	13.9					6	16.67			5	13.89	5	13.89	6	16.67	5	13.9			3	8.33	
15			C																											
16	1A6	42	T	38	90.48	38	90.48	38	90.5					38	90.48			38	90.48	38	90.48	38	90.48	38	90.5			38	90.48	
17			H	4	9.52	4	9.52	4	9.52					4	9.52			4	9.52	4	9.52	4	9.52	4	9.52			4	9.52	
18			C																											
19	1A7	37	T	30	81.08	34	91.89	30	81.1					33	89.19			32	86.49	30	81.08	30	81.08	34	91.9			37	100	
20			H	7	18.92	3	8.11	7	18.9					4	10.81			5	13.51	7	18.92	7	18.92	3	8.11					
21			C																											
22	1A8	35	T	31	88.57	32	91.43	32	91.4					28	80			32	91.43	32	91.43	31	88.57	32	91.4			32	91.43	
23			H	4	11.43	3	8.57	3	8.57					7	20			3	8.57	3	8.57	4	11.43	3	8.57			3	8.57	
24			C																											
25	1A9	34	T	25	78.13	28	87.5	24	75					28	87.5			27	84.38	24	75	24	75	27	84.4			27	84.38	
26			H	7	21.88	4	12.5	8	25					4	12.5			5	15.63	8	25	8	25	5	15.6			5	15.63	
27			C																											
28	Tổng khối 01	342	T	300	88.24	310	91.18	299	87.9					300	88.24			308	90.59	299	87.94	297	87.35	309	90.9			318	93.53	
29			H	40	11.76	30	8.82	41	12.1					40	11.76			32	9.41	41	12.06	43	12.65	31	9.12			22	6.47	
30			C																											

STT	Lớp	Số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Tự nhiên và xã hội		Khoa học		Lịch sử và Địa lý		Ngoại ngữ		TH-CN (Công nghệ)		Giáo dục thể chất		Nghệ thuật (Âm nhạc)		Nghệ thuật (Mĩ thuật)		Hoạt động trải nghiệm		TH-CN (Tin học)		Đạo đức	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
31	2A1	42	T	41	97.62	41	97.62	41	97.6					40	95.24			41	97.62	41	97.62	41	97.62	41	97.6			41	97.62
32			H	1	2.38	1	2.38	1	2.38					2	4.76			1	2.38	1	2.38	1	2.38	1	2.38			1	2.38
33			C																										
34	2A2	40	T	29	72.5	29	72.5	31	77.5					31	77.5			38	95	33	82.5	32	80	28	70			33	82.5
35			H	11	27.5	11	27.5	9	22.5					9	22.5			2	5	7	17.5	8	20	12	30			7	17.5
36			C																										
37	2A3	40	T	34	85	31	77.5	33	82.5					38	95			36	90	34	85	33	82.5	34	85			33	82.5
38			H	6	15	9	22.5	7	17.5					2	5			4	10	6	15	7	17.5	6	15			7	17.5
39			C																										
40	2A4	42	T	42	100	41	97.62	41	97.6					37	88.1			41	97.62	42	100	41	97.62	41	97.6			41	97.62
41			H			1	2.38	1	2.38					5	11.9			1	2.38			1	2.38	1	2.38			1	2.38
42			C																										
43	2A5	43	T	41	95.35	41	95.35	40	93					40	93.02			40	93.02	40	93.02	40	93.02	43	100			43	100
44			H	2	4.65	2	4.65	3	6.98					3	6.98			3	6.98	3	6.98	3	6.98						
45			C																										
46	2A6	40	T	36	90	35	87.5	35	87.5					36	90			37	92.5	35	87.5	35	87.5	37	92.5			35	87.5
47			H	4	10	5	12.5	5	12.5					4	10			3	7.5	5	12.5	5	12.5	3	7.5			5	12.5
48			C																										
49	2A7	40	T	35	87.5	34	85	33	82.5					34	85			38	95	33	82.5	33	82.5	34	85			33	82.5
50			H	5	12.5	6	15	7	17.5					6	15			2	5	7	17.5	7	17.5	6	15			7	17.5
51			C																										
52	2A8	44	T	43	97.73	43	97.73	43	97.7					43	97.73			43	97.73	43	97.73	43	97.73	43	97.7			43	97.73
53			H	1	2.27	1	2.27	1	2.27					1	2.27			1	2.27	1	2.27	1	2.27	1	2.27			1	2.27
54			C																										
55	Tổng khối 02	331	T	301	90.94	295	89.12	297	89.7					299	90.33			314	94.86	301	90.94	298	90.03	301	90.9			302	91.24
56			H	30	9.06	36	10.88	34	10.3					32	9.67			17	5.14	30	9.06	33	9.97	30	9.06			29	8.76
57			C																										
58	3A1	49	T	47	95.92	48	97.96	47	95.9					45	91.84	48	97.96	46	93.88	45	91.84	45	91.84	47	95.9	48	97.96	48	97.96
59			H	2	4.08	1	2.04	2	4.08					4	8.16	1	2.04	3	6.12	4	8.16	4	8.16	2	4.08	1	2.04	1	2.04
60			C																										
61	3A2	49	T	45	91.84	44	89.8	44	89.8					41	83.67	44	89.8	44	89.8	44	89.8	44	89.8	44	89.8	44	89.8	44	89.8
62			H	4	8.16	5	10.2	5	10.2					8	16.33	5	10.2	5	10.2	5	10.2	5	10.2	5	10.2	5	10.2	5	10.2
64	3A3	48	T	46	95.83	41	85.42	45	93.8					36	75	45	93.75	45	93.75	45	93.75	44	91.67	45	93.8	42	87.5	48	100
65			H	2	4.17	7	14.58	3	6.25					12	25	3	6.25	3	6.25	3	6.25	4	8.33	3	6.25	6	12.5		
67	3A4	47	T	45	95.74	44	93.62	45	95.7					43	91.49	45	95.74	43	91.49	43	91.49	43	91.49	44	93.6	46	97.87	46	97.87
68			H	2	4.26	3	6.38	2	4.26					4	8.51	2	4.26	4	8.51	4	8.51	4	8.51	3	6.38	1	2.13	1	2.13
70	3A5	46	T	44	95.65	42	91.3	45	97.8					42	91.3	45	97.83	46	100	44	95.65	44	95.65	45	97.8	45	97.83	46	100
71			H	2	4.35	4	8.7	1	2.17					4	8.7	1	2.17					2	4.35	2	4.35	1	2.17	1	2.17
73	3A6	48	T	32	66.67	31	64.58	32	66.7					28	58.33	27	56.25	30	62.5	27	56.25	29	60.42	31	64.6	28	58.33	34	70.83
74			H	16	33.33	17	35.42	16	33.3					20	41.67	21	43.75	18	37.5	21	43.75	19	39.58	17	35.4	20	41.67	14	29.17
76	3A7	48	T	41	85.42	41	85.42	42	87.5					37	77.08	45	93.75	38	79.17	41	85.42	39	81.25	40	83.3	43	89.58	44	91.67
77			H	7	14.58	7	14.58	6	12.5					11	22.92	3	6.25	10	20.83	7	14.58	9	18.75	8	16.7	5	10.42	4	8.33
79	3A8	48	T	46	95.83	47	97.92	43	89.6					41	85.42	43	89.58	45	93.75	40	83.33	40	83.33	44	91.7	42	87.5	44	91.67
80			H	2	4.17	1	2.08	5	10.4					7	14.58	5	10.42	3	6.25	8	16.67	8	16.67	4	8.33	6	12.5	4	8.33
82	Tổng khối 03	383	T	346	90.34	338	88.25	343	89.6					313	81.72	342	89.3	337	87.99	329	85.9	328	85.64	340	88.8	338	88.25	354	92.43
83			H	37	9.66	45	11.75	40	10.4					70	18.28	41	10.7	46	12.01	54	14.1	55	14.36	43	11.2	45	11.75	29	7.57
84			C																										

STT	Lớp	Số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Tự nhiên và xã hội		Khoa học		Lịch sử và Địa lý		Ngoại ngữ		TH-CN (Công nghệ)		Giáo dục thể chất		Nghệ thuật (Âm nhạc)		Nghệ thuật (Mĩ thuật)		Hoạt động trải nghiệm		TH-CN (Tin học)		Đạo đức	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
85	4A1	44	T	44	100	40	90.91			42	95.45	41	93.18	43	97.73	41	93.18	42	95.45	39	88.64	39	88.64	42	95.5	42	95.45	42	95.45
86			H			4	9.09			2	4.55	3	6.82	1	2.27	3	6.82	2	4.55	5	11.36	5	11.36	2	4.55	2	4.55	2	4.55
87			C																										
88	4A2	46	T	38	82.61	40	86.96			41	89.13	41	89.13	37	80.43	42	91.3	45	97.83	39	84.78	44	95.65	44	95.7	41	89.13	44	95.65
89			H	8	17.39	6	13.04			5	10.87	5	10.87	9	19.57	4	8.7	1	2.17	7	15.22	2	4.35	2	4.35	5	10.87	2	4.35
90			C																										
91	4A3	31	T	18	58.06	23	74.19			26	83.87	23	74.19	25	80.65	28	90.32	30	96.77	23	74.19	20	64.52	22	71	27	87.1	31	100
92			H	13	41.94	8	25.81			5	16.13	8	25.81	6	19.35	3	9.68	1	3.23	8	25.81	11	35.48	9	29	4	12.9		
93			C																										
94	4A4	32	T	29	90.63	30	93.75			30	93.75	29	90.63	24	75	30	93.75	30	93.75	27	84.38	28	87.5	30	93.8	30	93.75	30	93.75
95			H	3	9.38	2	6.25			2	6.25	3	9.38	8	25	2	6.25	2	6.25	5	15.63	4	12.5	2	6.25	2	6.25	2	6.25
96			C																										
97	4A5	45	T	43	95.56	43	95.56			43	95.56	43	95.56	44	97.78	43	95.56	45	100	43	95.56	43	95.56	43	95.6	43	95.56	45	100
98			H	2	4.44	2	4.44			2	4.44	2	4.44	1	2.22	2	4.44			2	4.44	2	4.44	2	4.44	2	4.44		
99			C																										
100	4A6	34	T	29	85.29	28	82.35			32	94.12	31	91.18	29	85.29	32	94.12	30	88.24	31	91.18	28	82.35	32	94.1	28	82.35	33	97.06
101			H	5	14.71	6	17.65			2	5.88	3	8.82	5	14.71	2	5.88	4	11.76	3	8.82	6	17.65	2	5.88	6	17.65	1	2.94
102			C																										
103	4A7	37	T	32	86.49	29	78.38			32	86.49	33	89.19	26	70.27	37	100	37	100	29	78.38	26	70.27	37	100	29	78.38	37	100
104			H	5	13.51	8	21.62			5	13.51	4	10.81	11	29.73					8	21.62	11	29.73			8	21.62		
105			C																										
106	4A8	31	T	23	74.19	24	77.42			25	80.65	24	77.42	22	70.97	26	83.87	31	100	27	87.1	27	87.1	31	100	26	83.87	27	87.1
107			H	8	25.81	7	22.58			6	19.35	7	22.58	9	29.03	5	16.13			4	12.9	4	12.9			5	16.13	4	12.9
108			C																										
109	4A9	36	T	28	77.78	28	77.78			28	77.78	28	77.78	30	83.33	28	77.78	30	83.33	29	80.56	29	80.56	30	83.3	28	77.78	32	88.89
110			H	8	22.22	8	22.22			8	22.22	8	22.22	6	16.67	8	22.22	6	16.67	7	19.44	7	19.44	6	16.7	8	22.22	4	11.11
111			C																										
112	4A10	32	T	27	84.38	22	68.75			29	90.63	29	90.63	24	75	31	96.88	29	90.63	27	84.38	29	90.63	32	100	29	90.63	30	93.75
113			H	5	15.63	10	31.25			3	9.38	3	9.38	8	25	1	3.13	3	9.38	5	15.63	3	9.38			3	9.38	2	6.25
114			C																										
115	Tổng khối 04	368	T	311	84.51	307	83.42			328	89.13	322	87.5	304	82.61	338	91.85	349	94.84	314	85.33	313	85.05	343	93.2	323	87.77	351	95.38
116			H	57	15.49	61	16.58			40	10.87	46	12.5	64	17.39	30	8.15	19	5.16	54	14.67	55	14.95	25	6.79	45	12.23	17	4.62

117			C																													
STT	Lớp	Số	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Tự nhiên và xã hội		Khoa học		Lịch sử và Địa lý		Ngoại ngữ		TH-CN (Tin học)		Đạo đức		Âm nhạc		Mỹ thuật		Thủ công		Kỹ thuật		Thể dục				
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
1	5A1	39	T	27	69.23	30	76.92			35	89.74	38	97.44	27	69.23	29	74.36	38	97.44	33	84.62	33	84.62			33	84.62	38	97.44			
2			H	12	30.77	9	23.08			4	10.26	1	2.56	12	30.77	10	25.64	1	2.56	6	15.38	6	15.38			6	15.38	1	2.56			
3			C																													
4	5A2	40	T	30	75	33	82.5			26	65	27	67.5	23	57.5	23	57.5	29	72.5	26	65	25	62.5			28	70	28	70			
5			H	10	25	7	17.5			14	35	13	32.5	17	42.5	17	42.5	11	27.5	14	35	15	37.5			12	30	12	30			
6			C																													
7	5A3	34	T	19	55.88	16	47.06			14	41.18	17	50	15	44.12	14	41.18	31	91.18	19	55.88	20	58.82			26	76.47	25	73.53			
8			H	15	44.12	18	52.94			20	58.82	17	50	19	55.88	20	58.82	3	8.82	15	44.12	14	41.18			8	23.53	9	26.47			
9			C																													
10	5A4	38	T	23	60.53	27	71.05			27	71.05	24	63.16	21	55.26	21	55.26	30	78.95	21	55.26	25	65.79			25	65.79	27	71.05			
11			H	15	39.47	11	28.95			11	28.95	14	36.84	17	44.74	17	44.74	8	21.05	17	44.74	13	34.21			13	34.21	11	28.95			
12			C																													
13	5A5	43	T	37	86.05	41	95.35			39	90.7	37	86.05	35	81.4	36	83.72	40	93.02	36	83.72	35	81.4			36	83.72	39	90.7			
14			H	6	13.95	2	4.65			4	9.3	6	13.95	8	18.6	7	16.28	3	6.98	7	16.28	8	18.6			7	16.28	4	9.3			
15			C																													
16	5A6	34	T	24	70.59	26	76.47			25	73.53	25	73.53	24	70.59	20	58.82	26	76.47	24	70.59	26	76.47			23	67.65	24	70.59			
17			H	10	29.41	8	23.53			9	26.47	9	26.47	10	29.41	14	41.18	8	23.53	10	29.41	8	23.53			11	32.35	10	29.41			
18			C																													
19	5A7	37	T	20	55.56	27	75			32	88.89	19	52.78	16	44.44	20	55.56	29	80.56	29	80.56	29	80.56			30	83.33	30	83.33			
20			H	16	44.44	9	25			4	11.11	17	47.22	20	55.56	16	44.44	7	19.44	7	19.44	7	19.44			6	16.67	6	16.67			
21			C																													
22	5A8	44	T	28	63.64	34	77.27			41	93.18	39	88.64	27	61.36	39	88.64	43	97.73	35	79.55	36	81.82			38	86.36	41	93.18			
23			H	16	36.36	10	22.73			3	6.82	5	11.36	17	38.64	5	11.36	1	2.27	9	20.45	8	18.18			6	13.64	3	6.82			
24			C																													
25	5A9	36	T	19	54.29	25	71.43			28	80	26	74.29	16	45.71	24	68.57	34	97.14	27	77.14	28	80			29	82.86	34	97.14			
26			H	16	45.71	10	28.57			7	20	9	25.71	19	54.29	11	31.43	1	2.86	8	22.86	7	20			6	17.14	1	2.86			
27			C																													
28	5A10	34	T	20	58.82	28	82.35			30	88.24	29	85.29	17	50	29	85.29	30	88.24	29	85.29	29	85.29			34	100	34	100			
29			H	14	41.18	6	17.65			4	11.76	5	14.71	17	50	5	14.71	4	11.76	5	14.71	5	14.71									
30			C																													
31	Tổng khối 05	379	T	247	65.52	287	76.13			297	78.78	281	74.54	221	58.62	255	67.64	330	87.53	279	74.01	286	75.86			302	80.11	320	84.88			
32			H	130	34.48	90	23.87			80	21.22	96	25.46	156	41.38	122	32.36	47	12.47	98	25.99	91	24.14			75	19.89	57	15.12			
33			C																													